

Số: /BC-UBND

Hoàng Kim, ngày 10 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững xã Hoàng Kim giai đoạn 2021 - 2025, đề xuất Chương trình giai đoạn 2026-2030

Thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững luôn được cấp ủy, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể và Nhân dân trên địa bàn xã đặc biệt quan tâm.

Đến nay, việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, hướng dẫn để thực hiện Chương trình đầy đủ, kịp thời tạo điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện.

UBND xã đã kịp thời ban hành các kế hoạch, hướng dẫn tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình MTQGGN bền vững giai đoạn 2021-2025. Kịp thời kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp xã, tạo sự thống nhất đồng bộ trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chương trình. Xây dựng Kế hoạch giảm nghèo nhanh Quyết định số 97-QĐ/ĐU ngày 21/01/2024 về việc Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững xã Hoàng Kim giai đoạn 2021-2025. và bền vững giai đoạn 2021-2025 và hàng năm, triển khai kịp thời các chính sách về công tác giảm nghèo đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, tổng hợp báo cáo hàng tháng, quý, năm theo quy định.

Đến nay, việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, hướng dẫn để thực hiện Chương trình đầy đủ, kịp thời tạo điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện.

Phần thứ nhất

TỔNG KẾT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành Chương trình

1.1. Về công tác kiện toàn Ban chỉ đạo

Đảng ủy, UBND xã đã kịp thời chỉ đạo các ban, ngành có liên quan khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện, tham mưu cho UBND xã ban hành các văn bản chỉ đạo như: Quyết định số 97-QĐ/ĐU ngày 21/01/2024 về việc Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững xã Hoàng Kim giai đoạn 2021-2025.

UBND xã đã xây dựng Kế hoạch giảm nghèo, kiện toàn Ban chỉ đạo giảm nghèo, triển khai kịp thời các chính sách về công tác giảm nghèo đến cán bộ, đảng

viên và các tầng lớp nhân dân; phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên Ban chỉ đạo giảm nghèo, tập trung điều tra rà soát xác định rõ: các hộ nghèo về thu nhập, nghèo do thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản, nguyên nhân chính dẫn đến nghèo; hộ có khả năng thoát nghèo, trên cơ sở đó phân công các ban, ngành, đoàn thể, cán bộ, đảng viên phụ trách giúp đỡ hộ nghèo theo từng địa bàn phụ trách. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, tổng hợp báo cáo hàng tháng, quý, năm theo quy định.

1.2. Về tình hình chỉ đạo của Ban chỉ đạo

UBND xã đã xây dựng Kế hoạch giảm nghèo, kiện toàn Ban chỉ đạo giảm nghèo, triển khai kịp thời các chính sách về công tác giảm nghèo đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên Ban chỉ đạo giảm nghèo, tập trung điều tra rà soát xác định rõ: các hộ nghèo về thu nhập, nghèo do thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản, nguyên nhân chính dẫn đến nghèo; hộ có khả năng thoát nghèo, trên cơ sở đó phân công các ban, ngành, đoàn thể, cán bộ, đảng viên phụ trách giúp đỡ hộ nghèo theo từng địa bàn phụ trách. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, tổng hợp báo cáo hàng tháng, quý, năm theo quy định.

1.3 Đánh giá mức độ, kịp thời của các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

Sau khi UBND huyện triển khai các văn bản chương trình mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn huyện. UBND xã tiến hành ban hành các văn bản và tổ chức trên địa bàn 6/6 thôn, đảm bảo quy trình và tiến độ.

2. Công tác quản lý thực hiện Chương trình

2.1. Công tác phối hợp giữa các ban, ngành, tổ chức, đoàn thể của xã, thôn trong tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình.

Việc thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của địa phương được các ban, ngành, đơn vị có liên quan từ xã đến thôn phối hợp chặt chẽ, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện .

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện công tác kiểm tra và giám sát

Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các Chương trình MTQG được các ban, ngành thực hiện nghiêm túc, đảm bảo theo quy định của pháp luật. Ban Chỉ đạo và các thành viên Ban Chỉ đạo, các đơn vị liên quan đã tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình. Qua đó đã chấn chỉnh, kịp thời những nội dung còn chưa phù hợp với quy định.

Các ban, ngành, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ của mình đã thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá độc lập và tham mưu cho UBND xã ban hành: UBND xã ban hành Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 13/3/2024 của UBND xã về việc tổ chức giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn xã.

Thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá đã tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện tại địa phương.

Nội dung kiểm tra, giám sát tập trung vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện, nhất là việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; giao chỉ tiêu giảm nghèo và chỉ tiêu tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản và việc xây dựng kế hoạch giảm nghèo đến từng hộ, thôn. Việc kiểm tra, giám sát, đánh giá được thực hiện với sự tham gia của

MTTQ xã và người dân tại địa phương để tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án nhằm đảm bảo chất lượng, hiệu quả và công khai minh bạch.

3. Công tác xây dựng thể chế thực hiện Chương trình

UBND xã xây dựng thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình theo từng nội dung cụ thể.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Phân bổ và giải ngân vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp.
- Kết quả thực hiện:
- Vốn được phân bổ thực hiện dự án 2: 174.000000đ (Theo quyết định 5168 ngày 29/12/2023)
 - Vốn phân bổ thực hiện dự án 6 là: không
 - Kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình; Trong đó Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình là: 6.697.000đ. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá là: 6.031.000đ.

***Kết quả giải ngân vốn của Chương trình năm 2024.**

- Đối với nguồn vốn được phân bổ thực hiện dự án 2: Căn cứ vào quyết định 5168/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Hoàng Hóa Về việc phê duyệt Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: UBND xã Hoàng Kim được phê duyệt phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023). Tổng số tiền là 174.000.000đ, xã đã giải ngân hỗ trợ cho 07 hộ tham gia dự án với tổng số tiền là 96.000.000đ. Còn lại 06 hộ xin rút khỏi dự án với số tiền là: 78.000.000đ. gồm các gia đình: ông Nguyễn Văn Bình, ông Nguyễn Văn Minh, ông Nguyễn Xuân Hanh, bà Nguyễn Thị Phiên, bà Nguyễn Thị Thương, bà Nguyễn Thị Dong đều đang cư trú tại thôn Kim Sơn. UBND xã Hoàng Kim đã tiến hành kiểm tra thực tế các hộ gia đình không thể tiếp tục tham gia dự án được, số tiền còn lại UBND xã đã làm tờ trình hoàn trả lại kinh phí thực hiện “Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo quy định.

*** Kết quả huy động, lồng ghép các nguồn lực thực hiện Chương trình**

- Thực hiện tín dụng chính sách xã hội hỗ trợ giảm nghèo:
Các Hội đoàn thể của xã đã phối hợp tốt với Ngân hàng chính sách huyện hỗ trợ các gói vay vốn như: Gói vay về giải quyết việc làm, gói vay phát triển chăn nuôi, gói vay đầu tư sản xuất, gói vay nước sạch vệ sinh môi trường, gói vay học sinh - sinh viên... cho 23 hộ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ có thu nhập thấp với tổng số tiền vay: 1.110. 800 đồng.

- Huy động khác

UBND xã đã phối hợp với ban dân vận xã để tổ chức vận động tuyên truyền nhân dân trong địa bàn xã ủng hộ những gia đình khó khăn về nhà ở. Đề nghị hỗ trợ Hộ gia đình bà Phạm Thị Tẩn; thôn Nghĩa Phú thuộc hộ nghèo làm nhà với số tiền ủng hộ 80.000.000đ (kêu gọi từ nguồn vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn huyện trong 02 năm 2024-2025), UBMTTQ xã đã giải ngân cho hộ gia đình trong tháng 12 năm 2024.

1.1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế và phát triển mô hình giảm nghèo

1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế và phát triển mô hình giảm nghèo

- Tiến độ và kết quả thực hiện : Sau khi UBND huyện phê duyệt quyết định Về

việc phê duyệt Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Mô hình chăn nuôi Bò sinh sản năm 2023 tại xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa, Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. UBND xã đã tiên hành các bước theo quy trình, tiến hành giải ngân cho các hộ kịp thời, đảm bảo đúng người đúng đối tượng. Tại thời điểm 7/7 hộ tham gia dự án chăn nuôi bò sinh sản đều đảm bảo con giống và chuồng trại. Đảm bảo 100% số hộ tham gia đều nghiêm túc thực hiện.

1.2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Phân bổ và giải ngân: Không.
- Số mô hình dự án: Không
- Khó khăn vướng mắc: Không.

b. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Phân bổ và giải ngân: Không.

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 20/5/2024 về việc thực hiện hoạt động “cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn xã Hoàng Kim. Trong đó, giao cho Công chức Văn hóa thông tin phối hợp với trạm y tế tuyên truyền và thực hiện các hoạt động thiết thực về cải thiện dinh dưỡng trên địa bàn xã.

- Tiến độ và kết quả thực hiện :

Thực hiện treo 04 băng zôn 2 mặt có nội dung tuyên truyền về cải thiện dinh dưỡng, an toàn dinh dưỡng, đảm bảo dinh dưỡng.....

- Thực hiện “Tuần lễ dinh dưỡng và phát triển” (16/10 đến 23/10/2024), trạm y tế đã phối hợp với Hội phụ nữ xã thực hiện 01 buổi tư vấn, hướng dẫn thực hành bữa ăn dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và bà mẹ đang nuôi con nhỏ tại nhà văn hóa thôn.

- Lập sổ theo dõi và thực hiện cân đo cho trẻ em dưới 2 tuổi, trẻ em từ 2 đến 5 tuổi bị suy dinh dưỡng và có nguy cơ bị suy dinh dưỡng, thấp còi mỗi tháng 1 lần (tháng 9 và tháng 10/2024) cho 213 trẻ/lần, Tổ chức cân-Đo cho TE từ 0 - 60 tháng tuổi cho 618 cháu.

- Trong tháng 10/2024, trạm y tế xã phối hợp cùng đội ngũ giáo viên và cán bộ cấp dưỡng của trường Mầm non thực hiện 01 buổi trao đổi và xây dựng thực đơn đảm bảo đúng - đủ chế độ dinh dưỡng nhằm nâng cao chất lượng bữa ăn của học sinh tại trường.

+ Ước thực hiện năm 2025.

- Tăng cường hoạt động chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc cho trẻ học đường (trẻ từ trên 5 đến dưới 16 tuổi): Số trẻ được tư vấn dinh dưỡng, số trẻ suy dinh dưỡng được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng.

c) Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân: không

d) Đánh giá tác động của kết quả này tới giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản: mức độ thiếu hụt về dinh dưỡng được cải thiện.

1.3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Phân bổ và giải ngân: Không
- Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2024: Không
- Khó khăn vướng mắc: Không.

a. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Phân bổ và giải ngân 100%:

- Kết quả:

+ *Quản lý lao động: Số lao động được thu thập, cập nhật thông tin trên hệ thống phần mềm quản lý lao động:*

Tiến độ và kết quả thực hiện như sau: Cấp phát phiếu điều tra rà soát thông tin của người lao động (theo mẫu 03) đến các thôn để thực hiện là 3.350 phiếu. Đến hiện tại đã hoàn thành và bàn giao phiếu về Công an xã là 3.350 phiếu, đã nhập 3.350 phiếu trên hệ thống phần mềm, đạt 100%.

+ Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động

+ Số cuộc khảo sát/điều tra thu thập thông tin thị trường lao động: 01.

+ Hỗ trợ kết nối việc làm thành công

- Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân: không

- Đánh giá tác động của kết quả này tới giải quyết mức độ thiếu hụt về việc làm.

1.4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Phân bổ và giải ngân: Không.

- Kết quả:

+ Số cán bộ thông tin và truyền thông được nâng cao năng lực:

Công chức Văn hóa thông tin, trưởng các thôn tham gia lớp tập huấn “kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ thông tin, tuyên truyền cấp xã, cộng tác viên thông tin tuyên truyền ở các thôn” đúng thành phần và thời gian quy định.

- Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân: không

- Đánh giá tác động của kết quả này tới giải quyết mức độ thiếu hụt về thông tin.

b. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Phân bổ và giải ngân: Không.

- Kết quả

+ In ấn và treo 06 băng zôn tuyên truyền về chính sách giảm nghèo tại trục đường chính của xã, viết 08 bài tuyên truyền về các chính sách giảm nghèo và hỗ trợ giảm nghèo trên hệ thống loa truyền thanh của xã .

+ Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo- Không để ai bị bỏ lại phía sau”, khơi dậy ý chí tự lực tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng, phấn đấu “Vì một Việt Nam không còn đói nghèo”.

- Xây dựng và phát triển mạng lưới cán bộ tuyên truyền viên, báo cáo viên về giảm nghèo ở các thôn.

- Cử cán bộ làm công tác giảm nghèo của xã và thôn, tuyên truyền viên tham dự Hội nghị tập huấn do huyện tổ chức.

- Công chức LĐTĐHXH tổ chức 01 buổi nói chuyện với sự tham gia của lãnh

đạo, các đoàn thể chính trị, các doanh nghiệp của địa phương và người nghèo, người cận nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn về chính sách giảm nghèo, phổ biến các kinh nghiệm, tấm gương điển hình, mô hình giảm nghèo tiêu biểu... nhằm khích lệ ý chí phấn đấu vươn lên thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no của người dân trong tháng 10, tại Hội trường UBND xã.

- Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân: không

1.5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Phân bổ và giải ngân 100%: 6.697.000 đ

+ Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực giảm nghèo: Số lớp tập huấn và số lượt cán bộ được tập huấn:

Trang bị, bổ sung kiến thức, năng lực quản lý, điều hành về các nội dung, hoạt động có liên quan thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo cho cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã, cấp thôn.

- Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân: không

b. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Phân bổ và giải ngân 100%: 6.031.000 đ

- Thực hiện xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu giảm nghèo; rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân: không

2. Kết quả nổi bật, điểm sáng trong thực hiện các tiểu dự án, dự án thuộc Chương trình.

a) Trong việc ban hành chủ trương đột phá, chính sách giảm nghèo đặc thù của từng địa phương:.

b) Đánh giá mô hình, phương thức, cách thức, cách làm hay trong quá trình triển khai từng dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình như: các dự án, tiểu dự án có cách làm hay dẫn đến giải ngân cao; các mô hình phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế tiêu biểu, có tính lan tỏa và nhân rộng cao; các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình...

3. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội

a. Chính sách hỗ trợ về giáo dục: Các em học sinh thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em khuyết tật khi tham gia học tập ở các bậc học đều được hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của nhà nước.

b. Chính sách y tế: Hộ nghèo được hỗ trợ 100% khi tham gia khám chữa bệnh.

c. Chính sách trợ giúp pháp lý: Hộ nghèo được hỗ trợ theo đúng quy định.

d. Chính sách tiền điện: Hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện hàng tháng theo quy định.

đ. Chính sách tín dụng ưu đãi Nước sạch và vệ sinh: Các hộ gia đình nghèo, cận nghèo và mới thoát nghèo, thoát CN và những hộ gia đình có nhu cầu vay vốn nước sạch vệ sinh bằng 322 hộ gia đình với tổng số tiền 5.972.398.955 đ.

e. Chính sách đặc thù khác

Hỗ trợ về nhà ở: Thực hiện kế hoạch số 123/KH –UBND ngày 31 tháng 05 năm 2024 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc Rà soát, bình xét hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ còn khó khăn về nhà ở trong 02 năm 2024 -2025 trên địa bàn Huyện.

UBND xã ban hành kế hoạch rà soát, bình xét hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn xã trong 02 năm 2024-2025. Năm 2024 UBND xã đã phối hợp với MTTQ xã tiến hành kêu gọi toàn dân ủng hộ gia đình chính sách khó khăn về nhà ở. Trong tháng 12/2024 có 1 hộ gia đình hộ khó khăn về nhà ở được trao tiền hỗ trợ nhà ở.

III. ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

1. Đánh giá việc thiết kế Chương trình

a) Về mục tiêu: Tính phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội; mục tiêu giảm nghèo: Không

b) Về số lượng dự án, tiểu dự án: Điều chỉnh hoặc bổ sung dự án, tiểu dự án: Không

c) Về nội dung hỗ trợ: Tính phù hợp về nội dung hỗ trợ. Nội dung hỗ trợ cần điều chỉnh hoặc bổ sung (cụ thể): Không

d) Về đối tượng: Tính phù hợp về đối tượng thụ hưởng của Chương trình (theo tiểu dự án, dự án). Đối tượng cần bổ sung hoặc không hỗ trợ: Không

đ) Về công tác chỉ đạo, điều hành: Tính hợp lý trong chỉ đạo, điều hành. Nội dung cần sửa đổi, bổ sung (cụ thể): Không

e) Về cơ chế tổ chức thực hiện: Tính phù hợp, đồng bộ và hệ thống. Nội dung cần sửa đổi, bổ sung (cụ thể): Không

2. Đánh giá công tác quản lý Chương trình

a) Kết quả xây dựng hệ thống chính sách quản lý, tổ chức thực hiện
Cả hệ thống chính sách, tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời.

b) Công tác điều hành, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện.

Thực hiện Chương trình MTQG GNBV đoạn 2021-2025. Mặc dù đã được các cấp, các ngành khẩn trương triển khai thực hiện, nhưng vẫn còn một số vấn đề hướng dẫn thực hiện chưa cụ thể, phải sửa đổi bổ sung dẫn đến việc triển khai thực hiện một số dự án còn chậm, nhất là những chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, cận nghèo, người mới thoát nghèo về phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo. Số người nghèo, người cận nghèo trong độ tuổi lao động và có khả năng lao động còn ít nên việc triển khai thực hiện dự án không đạt hiệu quả cao.

c) Hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, giám sát, đánh giá Chương trình.

Công tác tuyên truyền của chính quyền địa phương chưa được thường xuyên. Cán bộ làm công tác giảm nghèo ở thôn là kiêm nhiệm nên việc tham mưu thực hiện Chương trình còn hạn chế. Đối tượng là người nghèo, cận nghèo, người mới thoát nghèo chủ yếu là người không còn khả năng lao động, trẻ em, đối tượng bảo trợ xã hội nên không đủ điều kiện và không có nhu cầu tham gia dự án. Một số người còn khả năng lao động thì đã có việc làm ổn định tại các công ty, doanh nghiệp và các cơ sở sử dụng lao động.

d) Công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử.

3. Đánh giá kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn

a) Đánh giá công tác phân bổ, giao kế hoạch và sử dụng vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương (vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và hằng năm: Không

b) Đánh giá việc huy động nguồn lực thực hiện Chương trình: Vốn tín dụng, vốn doanh nghiệp, huy động từ người dân và cộng đồng: Không

c) Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong quá trình phân bổ, giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương; quản lý, sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương; tiến độ giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương được giao thực hiện hàng năm chậm, phải chuyển nguồn qua nhiều năm; cơ chế huy động nguồn lực thực hiện trên địa bàn...: Không

4. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

4.1. Kết quả thực hiện mục tiêu cụ thể

Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ gồm: Sự phù hợp của kết quả thực hiện Chương trình so với mục tiêu Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; mức độ hoàn thành mục tiêu vượt kế hoạch đề ra, nhiệm vụ Chương trình so với kế hoạch giai đoạn 5 năm.

a) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2024 còn 08 hộ = 0.51%.

b) Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số: Không.

c) Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo: Không.

d) Số lượng, tỷ lệ huyện, xã bãi ngang thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

4.2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

a) Số hộ nghèo và hộ cận nghèo giảm so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều của quốc gia: 06 hộ.

c) Số mô hình, dự án giảm nghèo, số hộ tham gia các mô hình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo: 01 dự án;

d) Số lượng, tỷ lệ người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập: 80%.

đ) Số lượng, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững: 80%.

e) Số lượng, tỷ lệ cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo: 01 người.

4.3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các chiều dịch vụ xã hội cơ bản

a) Chiều thiếu hụt về việc làm

- Số lượng, tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm 100%.

- Số lượng người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ kết nối việc làm thành công 100%.

- Số lượng người lao động được hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo các Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận 100%.

b) Chiếu thiếu hụt về y tế

- Số lượng, tỷ lệ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%;

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi còn 6.52%

- Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 100%.

- Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo qua đào tạo đạt 100%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 50%; tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp đạt 100%.

d) Chiếu thiếu hụt về nhà ở

Số hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã được hỗ trợ nhà ở (xây mới, sửa chữa nhà ở): 01 hộ.

đ) Chiếu thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh

- Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 100%.

- Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh 80%.

e) Chiếu thiếu hụt về thông tin

- Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet 80%.

- Tỷ lệ các hộ gia đình sinh sống địa bàn xã được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông 100%.

5. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

a) Thu nhập bình quân hộ nghèo: 1.500.000 đ

b) Tốc độ tăng trưởng, giá trị gia tăng.

c) Chuyển dịch cơ cấu sản xuất, tỷ trọng lao động trong các ngành.

d) Tỷ lệ lao động qua đào tạo, lao động có việc làm: 81,20%

6. Đánh giá mức độ tham gia của các đối tượng hưởng lợi

a) Đánh giá sự tham gia của các đối tượng hưởng lợi vào công tác lập kế hoạch trung hạn và hàng năm của Chương trình (tổng số cuộc họp thôn lập kế hoạch, số lượt người tham gia các cuộc họp thôn lập kế hoạch trong đó ghi rõ tổng số, số người nghèo, người cận nghèo, phụ nữ): 100%

b) Đánh giá sự tham gia của người dân trong tổ chức thực hiện theo các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình (mức độ đóng góp, tham gia vào giám sát, tham gia vận hành và duy tu, bảo dưỡng): 100%

c) Đánh giá mức độ hưởng lợi của hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số... trong các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình: 100%

7. Đánh giá tác động và hiệu quả đầu tư của Chương trình đối với phát triển kinh tế - xã hội; tính bền vững của chương trình; bình đẳng giới; môi trường, sinh thái (nếu có)

a) Tác động và hiệu quả đầu tư của Chương trình đối với phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao phát triển kinh tế xã hội.

b) Đánh giá tính bền vững của Chương trình: Tạo tính lâu dài trong thực hiện Chương trình.

c) Đánh giá về bình đẳng giới trong thực hiện Chương trình: Chủ hộ là nữ được tham gia vào Chương trình đầy đủ.

d) Đánh giá môi trường, sinh thái trong thực hiện Chương trình.

8. Bài học rút ra sau quá trình thực hiện chương trình và đề xuất khuyến nghị cần thiết để duy trì kết quả đã đạt được của chương trình; các biện pháp để giảm thiểu các tác động tiêu cực về xã hội, môi trường (nếu có): Không.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

a) Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án: Không

b) Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể: Không

c) Việc thiết kế Chương trình: Không

d) Việc bố trí nguồn lực thực hiện: Không

đ) Về tiến độ thực hiện: Không.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a. Một số hạn chế

Về khách quan: do xã là xã điều kiện kinh tế còn khó khăn, bão lũ, thời tiết thất thường, sâu bệnh, dịch bệnh xảy ra thường xuyên gây khó khăn cho phát triển kinh tế.

- Nguồn lực hàng năm phục vụ chương trình giảm nghèo còn hạn chế chưa đáp ứng với mục tiêu và nhu cầu đề ra.

- Dân trí của một bộ phận người dân chưa đồng đều, ý thức tự lực vươn lên trong cuộc sống của một bộ phận hộ nghèo chưa cao, một bộ phận người dân không muốn thoát nghèo để hưởng cơ chế, chính sách giảm nghèo. Việc sơ kết, tổng kết,

- Một số cơ chế, chính sách giảm nghèo ban hành chưa nghiên cứu kỹ để phù hợp với từng vùng, từng nhóm đối tượng đặc thù; mức đầu tư thấp, đa phần mang tính hỗ trợ trực tiếp (y tế, nhà ở, tiền điện,...), chậm điều chỉnh, bổ sung; các chính sách hỗ trợ sinh kế cho hộ nghèo để phát triển sản xuất chưa nhiều, mức đầu tư thấp, tổ chức thực hiện gặp nhiều vướng mắc (dạy nghề, tín dụng, xuất khẩu lao động,) chưa đáp ứng yêu cầu thực tế để đạt mục tiêu giảm nghèo bền vững;

- Nguồn kinh phí thực hiện chương trình giảm nghèo hàng năm còn hạn chế. Công tác tổ chức huy động, vận động nguồn lực thực hiện giảm nghèo có nơi, có lúc còn chưa được chú trọng, chưa huy động được sự tham gia, đóng góp nhiều của cộng đồng và người dân.

- Công tác kiểm tra, giám sát đôn đốc của một số đồng chí trong ban chỉ đạo còn thiếu kịp thời, chưa cụ thể.

b. Nguyên nhân

- Một số thôn có lúc chưa thật sự sâu sát, chưa kịp thời, công tác phối hợp có lúc có nơi chưa chặt chẽ.

- Một bộ phận người nghèo còn tự ti, trình độ nhận thức còn hạn chế, thiếu vốn sản xuất kinh doanh, bệnh tật, ốm đau, tai nạn đột suất, còn tâm lý trông chờ ỷ lại,

chưa tiếp thu các kiến thức khoa học, kỹ thuật để sản xuất kinh doanh..., ảnh hưởng đến sự vươn lên thoát nghèo của một số hộ nghèo trên địa bàn xã.

- Một số thành viên trong ban rà soát hộ nghèo ở các thôn thay đổi, cơ sở vật chất phục vụ công tác giảm nghèo còn thiếu chưa đồng bộ.

3. Bài học kinh nghiệm

a) Bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành, và quản lý Chương trình.

Bài học kinh nghiệm được rút ra, khi thực hiện các mục tiêu giảm nghèo phải thực hiện một cách đồng bộ, có chiến lược cho từng giai đoạn và từng nhóm đối tượng.

Phải đặt hộ nghèo, hộ cận nghèo là mục tiêu hướng tới và là nhóm đối tượng được hưởng lợi, thì dự án mới đạt được kết quả.

Hộ nghèo, hộ cận nghèo phải là chủ thể trong quá trình tham gia dự án và là người được hưởng lợi chính trong dự án.

b) Bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình tổ chức thực hiện các dự án, tiêu dự án, hoạt động của Chương trình.

Phải có sự vào cuộc, chung tay vì người nghèo của cấp ủy Đảng, chính quyền từ xã đến thôn trong quá trình lãnh, chỉ đạo.

V. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị điều chỉnh mục tiêu và thiết kế

a) Đề xuất về điều chỉnh, hoàn thiện nội dung các dự án thuộc Chương trình trên các phương diện: mục tiêu, đối tượng thụ hưởng của dự án, các hoạt động dự án, cơ chế thực hiện, nguồn vốn, các đầu ra của dự án.

Đề nghị các cấp, các ngành quan tâm hơn nữa cho các xã về các chương trình cụ thể hơn, để xã có khả năng cơ hội nhanh thoát nghèo và thoát khỏi vũng khó khăn bết gánh nặng cho nhà nước.

b) Đề xuất về đối tượng hưởng lợi của Chương trình (cách xác định đối tượng, các đối tượng cần bổ sung...). Cần có nội dung cụ thể hơn nữa, mở rộng trong công tác đối tượng tham gia Chương trình.

2. Đề xuất bố trí vốn và cơ chế huy động vốn

a) Đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp bố trí và phân bổ vốn đảm bảo đủ và kịp thời lượng vốn cho thực hiện Chương trình.

Nguồn vốn, đề nghị cấp có thẩm quyền phân bổ, giải ngân sớm để các dự án triển khai được kịp thời.

b) Đề xuất về cơ chế quản lý tài chính phù hợp để thúc đẩy tiến độ và kết quả thực hiện Chương trình: Không.

3. Đề xuất về chỉ đạo, điều hành và quản lý Chương trình

a) Đề xuất hoàn thiện cơ chế chỉ đạo, điều hành và phối kết hợp của các Bộ, ngành, sở ngành và các cấp trong triển khai thực hiện Chương trình: Không

b) Đề xuất về hoàn thiện cách thức tổ chức, quản lý thực hiện Chương trình (hệ thống tổ chức quản lý: nhân lực, bộ máy, trang thiết bị, chế độ chính sách; công tác kiểm tra và giám sát, đánh giá...): Không

c) Đề xuất khen thưởng các địa phương có kết quả xuất sắc trong tổ chức thực hiện Chương trình; các mô hình cần nhân rộng: Không.

4. Đề xuất kiến nghị

- a) Với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Không
- b) Với Chính phủ: Không
- c) Với bộ, cơ quan trung ương (kiến nghị cụ thể theo từng bộ, cơ quan): Không
- d) Với cơ quan, tổ chức ở địa phương (kiến nghị cụ thể theo từng cơ quan, tổ chức): Không

VII. PHỤ LỤC BÁO CÁO

Báo cáo theo kỳ đánh giá theo các Biểu số 01, Biểu số 02, Biểu số 03, Biểu số 04, Biểu số 05, Biểu số 06, Biểu số 07, Biểu số 08, Biểu số 09, Biểu số 10, Biểu số 11, Biểu số 12, Biểu số 13, Biểu số 14, Biểu số 15 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG, ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026-2030

- 1. Cơ sở pháp lý: Không
- 2. Căn cứ thực tiễn: Không
 - a) Khó khăn, thách thức chung: Không
 - b) Khó khăn, thách thức đã giải quyết, nhưng còn nhiều hạn chế: Không
 - c) Khó khăn, thách thức chưa được giải quyết: Không
 - d) Dự kiến một số vấn đề cần giải quyết trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030: Không

II. MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2026-2030

- 1. Mục tiêu chung
- 2. Mục tiêu cụ thể
 - Phân đầu thực hiện giảm 1-2% tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giai đoạn 2026-2030 theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ.
 - Đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ giảm nghèo theo quy định, cụ thể: hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho 100% người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo; đảm bảo cho vay đối với 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo có đủ điều kiện, có nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh.
 - Thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.
 - Tổ chức tư vấn, hướng nghiệp và hỗ trợ người nghèo trong độ tuổi lao động có nhu cầu học nghề được hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn và định hướng nghề nghiệp, được ưu tiên giới thiệu việc làm để có việc làm ổn định.
 - Cải thiện nhà ở cho hộ nghèo có khó khăn về nhà ở; triển khai, xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, dự án mô hình giảm nghèo bền vững đạt 100% theo kế hoạch phân bổ vốn tại địa phương.
 - Tổ chức rà soát nắm chắc và phân loại theo từng nhóm đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chiều thiếu hụt như: Nhóm hộ nghèo khó khăn về nhà ở, nhóm hộ nghèo có lao động không có việc làm, có nhu cầu học nghề hoặc cần hỗ trợ, cần

tư vấn giới thiệu việc làm; nhóm hộ nghèo có lao động không còn khả năng lao động v.v... để có giải pháp hỗ trợ phù hợp.

- Tổ chức đối thoại chính sách giảm nghèo với hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định nhu cầu cần hỗ trợ, giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo và chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2030

3. Kết quả và chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2030

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ giảm nghèo theo quy định, cụ thể: hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho 100% người thuộc hộ nghèo; đảm bảo cho vay đối với 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo có đủ điều kiện, có nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Tổ chức tư vấn, hướng nghiệp và hỗ trợ người nghèo trong độ tuổi lao động có nhu cầu học nghề được hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn và định hướng nghề nghiệp

- Tổ chức rà soát nắm chắc và phân loại theo từng nhóm đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chiều thiếu hụt như: Nhóm hộ nghèo khó khăn về nhà ở, nhóm hộ nghèo có lao động không có việc làm, có nhu cầu học nghề hoặc cần hỗ trợ, cần tư vấn giới thiệu việc làm; nhóm hộ nghèo có lao động không còn khả năng lao động v.v... để có giải pháp hỗ trợ phù hợp.

III. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG, DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN CẦN THỰC HIỆN

Mỗi hoạt động, dự án, tiểu dự án đề nghị làm rõ theo các nội dung sau:

a) Tên hoạt động, dự án, tiểu dự án: Không

b) Căn cứ đề xuất: Không

c) Mục tiêu: Không

d) Đối tượng hỗ trợ: Không

đ) Phạm vi thực hiện: Không

e) Nội dung hỗ trợ: Không

g) Vốn và nguồn vốn (chi tiết vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp theo nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, nguồn vốn lồng ghép (ghi rõ tên chương trình, dự án lồng ghép), nguồn khác): Không.

Một số vấn đề cần giải quyết trong Chương trình giai đoạn 2026-2030:

Giải quyết vấn đề Chương trình chưa giải quyết xong trong giai đoạn 2021-2025 và cần tiếp tục phải giải quyết trong giai đoạn 2026-2030: (i) tập trung xóa nghèo tại vùng “lõi nghèo”, đặc biệt tại các huyện nghèo chưa thoát nghèo. Trong đó, tiếp tục đầu tư, đưa các huyện nghèo và các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn; (ii) tiếp tục hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên phạm vi cả nước; (iii) hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm do tác động bởi đô thị hóa, suy giảm kinh tế, cách mạng công nghiệp lần thứ 4...

Giải quyết vấn đề mà Chương trình chưa hỗ trợ hoặc chưa quy định: (i) hỗ trợ các huyện nghèo theo tiêu chí mới, các huyện khu vực biên giới đất liền có khó khăn đặc thù, có tỷ lệ nghèo đa chiều cao, không nằm trong danh sách huyện nghèo để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững gắn với bảo đảm an ninh quốc

phòng nhằm phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội gắn với phát triển kinh tế số, xã hội số tạo động lực kéo kinh tế khu vực; (ii) hỗ trợ, xây dựng, nhân rộng mô hình, dự án giảm nghèo có hàm lượng kỹ thuật cao gắn với tăng trưởng xanh và bền vững; (iii) hỗ trợ đào tạo nghề chất lượng cao, đào tạo nghề xanh gắn với nhu cầu thị trường, doanh nghiệp và tăng cường kết nối thị trường lao động góp phần nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững; (iv) hỗ trợ, xây dựng, xóa các điểm trường tại khu vực huyện nghèo, huyện biên giới đất liền có khó khăn, đặc thù, có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều cao để xóa bỏ 100% phòng học nhờ, phòng học tạm...

Giải quyết các chi thiếu hụt theo chuẩn nghèo mới đảm bảo thu nhập tăng theo sự phát triển kinh tế - xã hội, lồng ghép hỗ trợ giảm các chi thiếu hụt dịch vụ xã hội theo chuẩn nghèo mới.

IV. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Tập trung về nội dung, giải pháp thực hiện, đối tượng hưởng lợi trực tiếp từ chương trình, đặc biệt là những nội dung, giải pháp để tiếp tục nâng cao chất lượng, đảm bảo tính bền vững của Chương trình;

2. Giải pháp về cơ chế phân bổ vốn ngân sách nhà nước, cơ chế đầu tư, cơ chế hỗ trợ và cơ chế lồng ghép các chương trình, dự án khác trên cùng địa bàn để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; cơ chế đặc thù riêng (nếu có).

3. Phương hướng kiện toàn Ban Chỉ đạo; bộ máy, tổ chức tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo và triển khai thực hiện chương trình ở các cấp trong giai đoạn 2026-2030 theo hướng chuyên nghiệp, đồng bộ và hiệu quả.

4. Phát động phong trào thi đua để huy động các nguồn lực và người dân tham gia thực hiện Chương trình...

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Không

2. Với Chính phủ: Không

3. Với bộ, cơ quan trung ương (kiến nghị cụ thể theo từng bộ, cơ quan): Không

4. Với cơ quan, tổ chức ở địa phương (kiến nghị cụ thể theo từng cơ quan, tổ chức): Không.

Trên đây là Báo cáo Tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, đề xuất Chương trình giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Hoàng Kim./.

Nơi nhận:

- Phòng Lao động-TB&XH (b/c);
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND xã (b/c);
- Các ban, ngành, đơn vị xã;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG xã;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Như Đông

